

QUAN HỆ GIỮA PHẬT GIÁO VÀ NHÀ NƯỚC THÁI LAN TRONG GIAI ĐOẠN RAMA II (1809–1824)

Phạm Quốc Trung

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Email: pqtrung@dhsphue.edu.vn

(Ngày nhận bài: 23/8/2025, ngày nhận bài chỉnh sửa: 29/9/2025, ngày duyệt đăng: 2/4/2026)

TÓM TẮT

Dưới triều Vua Rama II (1809–1824), Phật giáo tiếp tục giữ vai trò trung tâm trong đời sống chính trị, xã hội và văn hóa Thái Lan. Kế thừa nền tảng từ Rama I, Rama II vừa bảo trợ vừa quản lý Phật giáo như một phương tiện củng cố tính chính danh vương quyền. Nhà vua quan tâm đến việc trùng tu chùa chiền, khuyến khích sáng tác văn học, nghệ thuật mang màu sắc Phật giáo, đồng thời duy trì kỉ cương trong tầng đoàn. Sự gắn kết giữa hoàng gia và giới tăng lữ không chỉ góp phần ổn định xã hội mà còn tạo nên sự phát triển văn hóa đặc sắc, thể hiện qua các tác phẩm văn chương và kiến trúc tôn giáo. Quan hệ mật thiết giữa Phật giáo và nhà nước dưới thời Rama II vừa đảm bảo sự gắn bó của quần chúng với vương triều vừa đặt nền tảng cho những cải cách tôn giáo – xã hội quan trọng trong các triều đại sau, đặc biệt là Rama III và Rama IV.

Từ khóa: Phật giáo Thái Lan; quan hệ nhà nước – tôn giáo; Rama II; vương quyền

1. Mở đầu

Phật giáo giữ vị trí đặc biệt trong lịch sử và đời sống tinh thần của dân tộc Thái Lan. Kể từ khi được truyền vào vùng đất này, Phật giáo không chỉ là tôn giáo chính thống mà còn trở thành nền tảng tinh thần, chi phối sâu sắc đến chính trị, văn hóa và xã hội Thái. Dưới các triều đại khác nhau, mối quan hệ giữa Phật giáo và nhà nước luôn mang tính tương hỗ: Phật giáo cung cấp cơ sở tư tưởng và tính chính danh cho quyền lực vương triều, trong khi nhà vua và triều đình bảo trợ, duy trì sự ổn định và phát triển của tôn giáo.

Triều đại Chakri, bắt đầu từ Rama I (1782), là giai đoạn đặc biệt trong tiến trình lịch sử Thái Lan. Sau khi Ayutthaya suy vong, việc thành lập vương triều Chakri gắn liền với nỗ lực phục hưng văn hóa và củng cố bản sắc quốc gia. Trong bối cảnh đó, Phật giáo trở thành trụ cột quan trọng của cả đời

sống tinh thần lẫn thiết chế chính trị. Rama I đặt nền móng cho sự bảo trợ Phật giáo, đồng thời khẳng định vị thế của nhà vua như một vị hộ pháp, người gìn giữ và bảo vệ Phật pháp. Trên cơ sở ấy, Vua Rama II (1809–1824) tiếp nối, đồng thời có những điểm nhấn riêng biệt trong việc quản lý và phát triển Phật giáo.

Rama II nổi tiếng không chỉ là một vị quân vương mà còn là một nhà thơ, người yêu nghệ thuật và văn hóa. Trong triều đại của ông, Phật giáo vừa là công cụ củng cố tính chính danh của vương quyền vừa là nguồn cảm hứng cho sáng tác văn chương, nghệ thuật, nền tảng đạo đức xã hội. Nhà vua quan tâm đến việc trùng tu chùa chiền, phát triển nghi lễ tôn giáo, bảo trợ giới tăng lữ, đồng thời duy trì kỉ cương và trật tự trong tổ chức tầng đoàn. Mối quan hệ mật thiết giữa hoàng gia và Phật giáo dưới thời Rama II phản ánh mô hình “tôn giáo – nhà nước” gắn

bó chặt chẽ, trong đó cả hai cùng dựa vào nhau để phát triển.

Từ góc độ chính trị, Phật giáo trở thành công cụ hữu hiệu để nhà nước tập hợp lòng dân, củng cố sự ổn định xã hội trong bối cảnh Thái Lan phải đối diện với nhiều thách thức từ bên ngoài và sự thay đổi nội tại. Về phương diện văn hóa, Phật giáo tạo ra môi trường để văn học và nghệ thuật thời Rama II phát triển rực rỡ, góp phần khẳng định bản sắc dân tộc. Đồng thời, các hoạt động bảo trợ Phật giáo của Rama II cũng đặt nền tảng cho những cải cách tôn giáo – xã hội sâu rộng ở các triều vua sau, đặc biệt là Rama III và Rama IV.

Với những ý nghĩa đó, việc nghiên cứu quan hệ giữa Phật giáo và nhà nước Thái Lan trong giai đoạn Rama II không chỉ giúp hiểu rõ hơn vai trò của Phật giáo trong đời sống chính trị – văn hóa Thái Lan mà còn góp phần lí giải tiến trình phát triển lâu dài của mối quan hệ này dưới vương triều Chakri. Bài viết hướng đến việc phân tích bối cảnh lịch sử, chính sách tôn giáo và tác động của mối quan hệ Phật giáo – nhà nước thời Rama II, qua đó chỉ ra những đặc điểm nổi bật cũng như ảnh hưởng bền vững đối với lịch sử Thái Lan.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để làm rõ mối quan hệ giữa Phật giáo và Nhà nước Thái Lan dưới triều Rama II, người viết sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu lịch sử và liên ngành. Trước hết, phương pháp phân tích – tổng hợp tư liệu được áp dụng nhằm thu thập, hệ thống hóa và xử lí các nguồn tài liệu gốc và tài liệu nghiên cứu thứ cấp, bao gồm biên niên sử triều đại, văn bản chính sử, tư liệu văn

học – nghệ thuật, cùng các công trình nghiên cứu hiện đại về Phật giáo và lịch sử Thái Lan.

Phương pháp lịch sử – so sánh được dùng để đặt thời kì Rama II trong mối tương quan với giai đoạn trước (Rama I) và sau (Rama III, Rama IV), từ đó thấy được tính kế thừa và đặc trưng riêng của quan hệ Nhà nước – Phật giáo trong giai đoạn này. Ngoài ra, phương pháp phân tích chính sách giúp làm rõ cách nhà vua bảo trợ, quản lí Phật giáo và sử dụng tôn giáo như công cụ chính trị – văn hóa.

Cuối cùng, phương pháp liên ngành (kết hợp sử học, tôn giáo học, văn hóa học) được vận dụng để tiếp cận toàn diện, vừa ở góc độ chính trị vừa ở phương diện xã hội và văn hóa. Nhờ đó, nghiên cứu có thể đưa ra một cái nhìn khách quan, sâu sắc về vai trò của Phật giáo trong triều đại Rama II.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Bối cảnh lịch sử – xã hội Thái Lan thời Rama II

3.1.1. Tình hình chính trị

Triều đại Rama II (Phra Phutthaloetla Naphalai) mở ra trong bối cảnh Xiêm vừa trải qua giai đoạn chiến tranh liên miên với Miến Điện dưới thời Rama I. Khi lên ngôi năm 1809, thách thức lớn nhất của Rama II không còn nằm ở việc bảo vệ biên cương mà là duy trì sự ổn định nội trị và tái cấu trúc mối quan hệ quyền lực trong triều đình. Các nghiên cứu cho thấy chính quyền thời kì này ít xảy ra xung đột quân sự, thay vào đó tập trung vào việc củng cố hệ thống hành chính và điều hòa lợi ích giữa các phe phái hoàng tộc (Suthivanich, 1987, tr. 38). Điều này phản ánh sự chuyển dịch chiến lược của vương triều Chakri:

từ ưu tiên quân sự sang xây dựng một nền chính trị cân bằng và ổn định.

Về đối ngoại, Rama II áp dụng đường lối ngoại giao mềm dẻo, đặc biệt với phương Tây. Thương mại với các thương nhân Anh và Bồ Đào Nha bắt đầu gia tăng, thể hiện tính linh hoạt của Xiêm trong việc tận dụng cơ hội kinh tế nhưng vẫn giữ được thế chủ động về chính trị. Như Baker và Phongpaichit (2009) nhấn mạnh: “Triều đình Xiêm dưới thời Rama II đã cân trọng trong việc tham gia thương mại quốc tế mà không làm tổn hại đến chủ quyền” (tr. 45). Chính sách này đã giúp Xiêm duy trì vị thế độc lập trong một khu vực đang dần bị cuốn vào quỹ đạo thuộc địa của châu Âu.

Một đặc điểm nổi bật của thời kì này là sự thăng hoa văn hóa. Nhà vua vừa là một quân chủ vừa là một nhà thơ, đã trực tiếp tham gia sáng tác và bảo trợ nghệ thuật. Tác phẩm Inao được tái biên soạn, trong khi những sáng tác mới của các thi sĩ như Sunthorn Phu đã định hình chuẩn mực văn chương Thái Lan hiện đại (Suthiwan, 2020, tr. 244–245). Điều này cho thấy văn hóa không chỉ đơn thuần là thành tựu thẩm mỹ mà còn đóng vai trò chính trị mềm, củng cố uy tín và tính chính danh của vương quyền Chakri.

Từ góc nhìn chính trị – văn hóa, triều đại Rama II là giai đoạn bản lề: sự ổn định nội trị tạo điều kiện cho ngoại giao uyển chuyển và phát triển nghệ thuật; ngược lại, sự bảo trợ văn hóa và hình tượng “quân vương thi sĩ” đã góp phần duy trì lòng trung thành của quần chúng đối với triều đình. Như Suwannathat-Pian (1999) nhận xét, đây là giai đoạn “sự củng cố hòa bình nội bộ, qua đó cho phép vương quyền mở rộng ảnh hưởng

bằng văn hóa thay vì bằng vũ lực” (tr. 65–66). Do đó, Rama II không chỉ giữ vai trò “người kế tục” mà còn là “người kiến tạo” một nền chính trị cân bằng, mở đường cho những cải cách sâu rộng ở các triều đại sau.

3.1.2. *Đặc điểm xã hội, văn hóa và kinh tế trong giai đoạn này*

Triều đại Rama II (1809–1824) được xem là một giai đoạn bản lề trong lịch sử Xiêm, khi xã hội dần thoát khỏi bóng dáng của chiến tranh để bước vào thời kì tái cấu trúc và phục hưng văn hóa. Bối cảnh ổn định nội trị đã cho phép vương quyền Chakri tái định hình vai trò của mình không chỉ trong lĩnh vực chính trị mà còn trong đời sống xã hội, kinh tế và văn hóa. Theo Suwannathat-Pian (1999), đây là “sự củng cố hòa bình nội bộ cho phép chế độ quân chủ mở rộng ảnh hưởng thông qua văn hóa thay vì vũ lực” (tr. 65–66), phản ánh xu thế mới của chế độ quân chủ: mở rộng quyền lực mềm thông qua bảo trợ văn hóa và điều phối xã hội thay vì dựa trên sức mạnh quân sự.

Trên bình diện xã hội, cấu trúc giai cấp truyền thống vẫn được duy trì, với sự hiện diện nổi bật của hoàng tộc, quan lại và tăng sĩ. Tuy nhiên, tính ổn định chính trị giúp giảm thiểu mâu thuẫn nội bộ, cho phép triều đình tập trung vào việc điều hòa lợi ích giữa các nhóm quyền lực. Như Suthivanich (1987, tr. 38) chỉ ra, hệ thống “Front Palace” vẫn giữ vai trò cân bằng giữa các hoàng thân, ngăn chặn những tranh chấp tiềm tàng về kế vị. Đồng thời, dân cư Xiêm tiếp tục dựa vào sản xuất nông nghiệp lúa nước, nhưng quá trình đô thị hóa sơ khai cũng dần xuất hiện, đặc biệt ở Bangkok, nơi tập trung các thương nhân nước ngoài và cộng đồng người Hoa

đồng đảo. Người Hoa không chỉ là lực lượng lao động quan trọng mà còn đóng vai trò trung gian thương mại, góp phần đưa nền kinh tế Xiêm vượt khỏi tính tự cung tự cấp truyền thống (Trần Khánh, 1992, tr. 41–42).

Văn hóa là lĩnh vực phát triển rực rỡ nhất dưới triều Rama II, đến mức giai đoạn này thường được mệnh danh là “thời kì vàng son của văn học Rattanakosin”. Chính nhà vua là một thi nhân tài hoa vừa trực tiếp sáng tác vừa bảo trợ giới văn nhân, nhạc sĩ và nghệ sĩ cung đình. Các tác phẩm như *Inao*, *Krai Thong* được tái biên soạn, trong khi những kiệt tác mới của Sunthorn Phu như *Phra Aphai Mani* đã định hình chuẩn mực văn chương Thái hiện đại (Suthiwan, 2020, tr. 244–245). Theo Permkesorn (2025), hình tượng Rama II như “một vị vua-thi sĩ” không chỉ là biểu tượng văn học mà còn là chiến lược chính trị nhằm củng cố tính chính danh của vương triều Chakri trong mắt thần dân (tr. 117–118). Văn hóa cung đình, với nghệ thuật thơ ca, kịch múa và âm nhạc truyền thống, trở thành công cụ tinh tế để duy trì sự gắn kết xã hội và khẳng định vai trò lãnh đạo văn hóa của nhà nước.

Trong lĩnh vực kinh tế, Xiêm vẫn chủ yếu dựa vào nông nghiệp lúa nước, nhưng những bước chuyển quan trọng đã xuất hiện. Baker và Phongpaichit (2009) chỉ ra rằng triều đình dưới Rama II đã bắt đầu thực hiện các chính sách mở cửa thân trọng với thương nhân phương Tây, nhất là người Anh và Bồ Đào Nha, nhằm khai thác lợi ích thương mại mà vẫn duy trì chủ quyền (tr. 45). Song song đó, cộng đồng người Hoa đảm nhận phần lớn hoạt động vận tải, thuế nông sản và

giao thương quốc tế, qua đó góp phần hình thành nền kinh tế hàng hóa và thúc đẩy sự phát triển đô thị Bangkok thành một trung tâm thương mại mới (Trần Khánh, 1992, tr. 41–42). Như vậy, kinh tế Xiêm thời Rama II vừa mang tính chất truyền thống dựa vào nông nghiệp vừa cho thấy những hạt nhân đầu tiên của sự chuyển đổi theo hướng thương mại và hội nhập khu vực.

Có thể thấy xã hội, văn hóa và kinh tế dưới triều Rama II phản ánh sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và đổi mới. Sự ổn định chính trị đã mở ra không gian cho phục hưng văn hóa và sáng tạo nghệ thuật, trong khi những bước tiến trong kinh tế thương mại cho thấy Xiêm đã bắt đầu thích nghi với môi trường khu vực đang biến động dưới ảnh hưởng phương Tây. Điều này khiến triều đại Rama II trở thành giai đoạn quá độ quan trọng, đặt nền tảng cho những cải cách sâu rộng hơn dưới các vị vua kế vị, đặc biệt là Rama IV và Rama V.

3.1.3. Vị trí, vai trò truyền thống của Phật giáo trong đời sống người Thái trước thời Rama II

Trước thời kì trị vì của Rama II, Phật giáo đã được xác lập như nền tảng chính trị, văn hóa và xã hội của người Thái, đóng vai trò quan trọng trong việc định hình bản sắc dân tộc và tính chính danh của vương quyền. Ngay từ thời Sukhothai, mô hình cai trị theo lí tưởng Dhammarāja đã đặt nhà vua vào vị trí vừa là người trị vì thế tục vừa là hiện thân của công lí Phật giáo. Ý niệm này được phản ánh qua các văn bản như *Traiphum Phra Ruang*, trong đó vũ trụ luận và quan niệm nghiệp báo được dùng làm công cụ giáo dục đạo đức và chính

trị, nhằm nhấn mạnh mối liên hệ giữa hoàng quyền và Phật pháp (Reynolds, 1976, tr. 45–46). Trong các triều đại Ayutthaya sau đó, Phật giáo tiếp tục được thể chế hóa, trở thành công cụ để củng cố tính hợp pháp của vương triều. Nhà vua bảo trợ các chùa chiền, tổ chức các nghi lễ lớn và bảo đảm sự thống nhất của giáo hội, qua đó thể hiện vai trò “người bảo vệ Tam Bảo” (cakkavattin). Việc gắn liền quyền lực chính trị với bảo trợ tôn giáo khiến tính chính danh của nhà vua vượt ra ngoài sức mạnh quân sự, trở thành một quyền lực đạo đức có khả năng duy trì trật tự xã hội (Tambiah, 1976, tr. 41–43).

Trong đời sống cộng đồng, Phật giáo cũng đóng vai trò trung tâm. Ngôi chùa (วัด) không chỉ là nơi thờ tự mà còn là điểm quy tụ của cộng đồng, nơi diễn ra các sinh hoạt xã hội, giáo dục và văn hóa. Truyền thống tu học trong chùa của nam giới Thái (buat rian) tạo điều kiện để phần lớn dân chúng được tiếp cận chữ viết, giáo lý và chuẩn mực đạo đức. Đây chính là hệ thống giáo dục phổ biến trước khi phương thức giáo dục phương Tây xuất hiện, giúp bảo đảm rằng Phật giáo vừa duy trì vai trò tôn giáo vừa là công cụ truyền thụ tri thức xã hội (Ishii, 1986, tr. 92–94). Từ các bản kinh Pāli đến các bản dịch và văn học bình dân, Phật giáo đã cung cấp nội dung giáo dục cho cả giới tu sĩ và dân gian, củng cố giá trị đạo đức và gắn kết cộng đồng. Chùa cũng là nơi tổ chức các lễ hội lớn như Mahachat sermon hay Songkran, vốn vừa mang tính tôn giáo vừa kết nối với tín ngưỡng bản địa, qua đó dung hòa các yếu tố tâm linh và phong tục truyền thống để củng

cố sự thống nhất xã hội (Krairiksh, 1997, tr. 88–89.).

Phật giáo còn mở rộng vai trò vượt ra ngoài biên giới Xiêm, đặc biệt trong các hoạt động giao lưu khu vực. Từ thế kỉ XVIII, Xiêm đã cử tăng sĩ sang Tích Lan để khôi phục truyền thống Theravāda sau một thời kì suy thoái, đặt Xiêm vào vị trí trung tâm truyền thừa của Phật giáo trong khu vực. Hoạt động này không chỉ thể hiện sự quan tâm tôn giáo mà còn mang ý nghĩa ngoại giao văn hóa, giúp Xiêm gia tăng ảnh hưởng trong thế giới Theravāda và củng cố vị thế vương quyền trên bình diện quốc tế (Hall, 1981, tr. 211–212). Nhờ khả năng bảo trợ và lan tỏa Phật giáo, triều đình Xiêm khẳng định được vai trò lãnh đạo tinh thần khu vực, đồng thời củng cố sự chính danh của mình ở trong nước.

Sự hòa quyền giữa Phật giáo và quyền lực chính trị đã tạo nên một mô hình quản trị đặc thù, trong đó tôn giáo không bị giới hạn ở đời sống tâm linh mà trở thành nền tảng xã hội và công cụ chính trị. Việc xây dựng, tu bổ chùa chiền, soạn kinh sách và tổ chức lễ nghi đã biến Phật giáo thành “hệ thống văn hóa chính thức” của vương quyền, trong khi việc tu học trong chùa biến giáo lý Phật giáo thành nền tảng tri thức phổ quát của cộng đồng. Những yếu tố này khiến Phật giáo trước thời Rama II không chỉ là tôn giáo mà còn là cốt lõi của trật tự xã hội và bản sắc dân tộc Thái. Nhờ vậy, khi Rama II kế vị, ông thừa hưởng một cơ cấu xã hội – chính trị mà trong đó Phật giáo đã ăn sâu, tạo điều kiện để ông mở rộng ảnh hưởng của triều đại thông qua văn hóa và tôn giáo thay vì chỉ dựa vào sức mạnh quân sự. Chính sự

bền vững của Phật giáo trong truyền thống đã giúp Rama II sử dụng nó như một công cụ mềm dẻo nhằm củng cố chế độ Chakri vừa bảo vệ sự ổn định nội bộ vừa tạo nên sức mạnh văn hóa đối ngoại.

3.2. Chính sách và vai trò của Nhà nước đối với Phật giáo thời Rama II

3.2.1. Chính sách bảo trợ và quản lý Phật giáo của Rama II

Triều đại Rama II (1809–1824) được xem là giai đoạn củng cố nội trị sau thời kì chiến tranh liên miên dưới Rama I, khi Xiêm phải đối phó với Miến Điện và bất ổn biên giới. Bối cảnh chính trị này đã cho phép nhà vua định hướng chính sách quản lý đất nước không dựa nhiều vào quân sự mà tập trung vào văn hóa và tôn giáo, trong đó Phật giáo chiếm vị trí trung tâm. Sự bảo trợ và quản lý Phật giáo của Rama II vừa mang tính kế thừa từ cha mình, Rama I vừa thể hiện sự sáng tạo trong cách thức gắn kết sangha (tăng đoàn) với vương quyền nhằm xây dựng ổn định xã hội và chính trị.

Một trong những chính sách nổi bật của Rama II là tiếp tục công cuộc chuẩn hóa và kiểm soát giáo hội, vốn đã được khởi xướng mạnh mẽ dưới Rama I. Sau khi Ayutthaya sụp đổ năm 1767, hệ thống tăng lữ rơi vào tình trạng phân tán, giới luật lỏng lẻo, nhiều khu vực pha trộn tín ngưỡng dân gian và Phật giáo. Rama I đã tái thiết giáo hội bằng việc sưu tập và hiệu đính Tam Tạng vào năm 1788, đồng thời đặt ra những quy định nghiêm ngặt đối với tăng sĩ (Ishii, 1986, tr. 103–105). Rama II kế thừa nền tảng này nhưng chuyển trọng tâm sang việc duy trì sự thanh tịnh của tăng đoàn và mở rộng ảnh hưởng của giáo hội như một công cụ văn hóa – chính trị. Ông tổ chức nhiều kì khảo thí tam tạng và kiểm tra

giới luật, buộc tăng sĩ phải tuân thủ chặt chẽ Vinaya, qua đó củng cố kỉ cương trong nội bộ tăng đoàn (Reynolds, 2002, tr. 74–75).

Bên cạnh việc siết chặt giới luật, Rama II còn nổi bật với chính sách bảo trợ mạnh mẽ đối với hoạt động xây dựng và trùng tu chùa chiền. Hàng loạt công trình kiến trúc tôn giáo được tu bổ hoặc khởi dựng trong giai đoạn này, đặc biệt tại Bangkok, nhằm biểu thị vai trò của vương quyền như người bảo vệ Phật pháp. Theo Wallipodom (2001), việc xây dựng chùa không chỉ là hành động công đức mà còn là một phương tiện chính trị nhằm thể hiện sự gắn kết giữa hoàng gia và tôn giáo, đồng thời khẳng định vị thế thủ đô Bangkok như trung tâm Phật giáo mới của Xiêm (tr. 132–134). Những công trình như Wat Arun, Wat Pho không chỉ là biểu tượng văn hóa – nghệ thuật mà còn trở thành biểu hiện quyền lực mềm của vương quyền Chakri.

Một phương diện khác trong chính sách tôn giáo của Rama II là việc khuyến khích sáng tác, dịch thuật và truyền bá kinh điển. Nếu Rama I tập trung vào việc chuẩn hóa kinh điển Pāli thì Rama II hướng đến việc phổ biến giáo lý bằng văn học và nghệ thuật dân gian. Ông đỡ đầu cho nhiều tác phẩm văn học Phật giáo bằng tiếng Thái, các bản kinh và truyện Jātaka được diễn dịch thành kịch, thơ và các hình thức nghệ thuật trình diễn. Việc phổ biến này giúp giáo lý Phật giáo thấm sâu vào quần chúng, đồng thời nâng cao uy tín của triều đình như một trung tâm văn hóa – tôn giáo (Srisuwan, 2002, tr. 201–203). Đây là minh chứng rõ rệt cho sự chuyển đổi từ chính sách quản lý bằng quân sự sang quản lý bằng văn hóa, trong đó Phật giáo là công cụ chủ chốt.

Ngoài ra, Rama II cũng thực hiện chính sách “ngoại giao Phật giáo”, nối dài di sản của cha mình trong việc duy trì quan hệ với Tích Lan và các trung tâm Theravāda trong khu vực. Ông bảo trợ cho các đoàn tăng sĩ, hỗ trợ việc truyền giáo và duy trì vị thế của Xiêm như một trung tâm truyền thừa. Điều này không chỉ góp phần củng cố uy tín quốc tế của triều đại Chakri mà còn làm sâu sắc thêm tính hợp pháp của vương quyền trong nước, bởi nhà vua được nhìn nhận là người bảo vệ và phát triển Phật giáo trong phạm vi rộng lớn hơn lãnh thổ Xiêm (Hall, 1981, tr. 215–216).

Có thể thấy, chính sách bảo trợ và quản lý Phật giáo của Rama II không đơn thuần mang tính tôn giáo mà còn là một chiến lược chính trị – văn hóa toàn diện. Ông củng cố giới luật để duy trì kỉ cương tăng đoàn, bảo trợ xây dựng chùa chiền để khẳng định vai trò vương quyền, khuyến khích sáng tác văn học Phật giáo nhằm phổ biến đạo lý và mở rộng quan hệ quốc tế để nâng cao vị thế của Xiêm. Chính nhờ những chính sách này, giai đoạn Rama II trở thành thời kì mà Phật giáo không chỉ được củng cố nội bộ mà còn được sử dụng như công cụ mềm dẻo giúp triều đại Chakri mở rộng ảnh hưởng bằng văn hóa thay vì bạo lực.

3.2.2. Vai trò của hoàng gia trong việc duy trì và phát triển Phật giáo

Trong truyền thống chính trị – văn hóa của Thái Lan, hoàng gia luôn giữ vị trí trung tâm trong việc bảo vệ và phát triển Phật giáo, coi đó vừa là trách nhiệm tôn giáo vừa là nền tảng chính trị để củng cố quyền lực. Từ thời Sukhothai, quan niệm Dhammarāja đã định hình mối quan hệ hữu cơ giữa vương quyền và giáo hội, theo đó nhà

vua phải trị nước dựa trên mười đức hạnh (thotsaphit ratchatham) và được coi là hiện thân của một vị vua công chính theo Phật pháp (Reynolds, 1976, tr. 48–49). Trong bối cảnh triều Rama II, vai trò này càng trở nên nổi bật khi nhà vua đối diện với nhiệm vụ duy trì ổn định xã hội sau giai đoạn chiến tranh dưới Rama I, đồng thời khẳng định tính chính danh của vương quyền Chakri trong một trật tự chính trị mới.

Rama II không chỉ kế thừa nền tảng pháp chế tôn giáo do Rama I thiết lập mà còn đưa chính sách bảo trợ Phật giáo lên một tầm mức mới, thiên về văn hóa – nghệ thuật và đời sống xã hội. Nhà vua được xem như người bảo trợ tối cao (upatthāk) của Tam Bảo, chịu trách nhiệm duy trì giới luật trong tăng đoàn, giám sát sự thanh tịnh của giáo hội, đồng thời hỗ trợ vật chất để tăng sĩ có thể thực hiện sứ mệnh hoàng pháp. Một trong những cách Rama II thực hiện vai trò này là việc tổ chức khảo thí kinh điển Pāli nhằm nâng cao trình độ và kỉ luật của tăng sĩ (Ishii, 1986, tr. 108–110). Sự can thiệp có hệ thống này vừa đảm bảo tính thuần khiết của giáo hội vừa giúp nhà vua thiết lập một mối quan hệ chặt chẽ giữa sangha và vương quyền, trong đó tăng đoàn trở thành lực lượng tinh thần bảo vệ trật tự xã hội.

Ngoài ra, hoàng gia thời Rama II đóng vai trò then chốt trong việc bảo trợ xây dựng, trùng tu và mở rộng mạng lưới chùa chiền, biến chúng thành trung tâm đời sống cộng đồng. Chùa không chỉ là nơi thờ tự mà còn là trường học, thư viện và trung tâm lễ hội. Việc Rama II cho tu bổ các ngôi chùa lớn tại Bangkok như Wat Arun hay Wat Pho vừa thể hiện công đức của hoàng gia vừa góp phần định

hình thủ đô mới như trung tâm Phật giáo của Xiêm (Wallipodom, 2001, tr. 135–136). Chính sự bảo trợ này làm nổi bật vai trò hoàng gia như người kiến tạo văn hóa, sử dụng tôn giáo như một biểu tượng quyền lực mềm để thống nhất xã hội.

Một đặc điểm khác là sự gắn bó của hoàng gia với việc phát triển văn học và nghệ thuật Phật giáo. Rama II nổi tiếng là vị vua thi sĩ, đồng thời khuyến khích giới trí thức và tầng sĩ sáng tác, dịch thuật và trình diễn các tác phẩm mang cảm hứng Phật giáo. Những truyện Jātaka, Traiphum và các bản kinh quan trọng được chuyển thể thành thơ ca, kịch và hình thức nghệ thuật dân gian, khiến giáo lý Phật giáo thấm sâu vào đời sống bình dân (Srisuwan, 2002, tr. 205–207). Đây là một cách mà hoàng gia sử dụng Phật giáo để xây dựng tính thống nhất văn hóa, đồng thời củng cố vị trí thủ đô Bangkok như trung tâm sản sinh và lan tỏa tri thức tôn giáo.

Hoàng gia cũng đóng vai trò ngoại giao tôn giáo, nối dài truyền thống “Phật giáo quốc tế” của Xiêm. Rama II duy trì mối quan hệ tôn giáo với Tích Lan và các trung tâm Theravāda khác, bảo trợ việc truyền giới và trao đổi kinh điển, qua đó củng cố vị thế Xiêm như trung tâm Phật giáo khu vực (Hall, 1981, tr. 217–218). Sự tham gia này không chỉ nâng cao uy tín quốc tế của hoàng gia Chakri mà còn phản ánh vai trò của hoàng gia trong việc gìn giữ một mạng lưới tôn giáo xuyên quốc gia, tạo sức mạnh mềm để cân bằng trước áp lực chính trị – kinh tế từ các thế lực phương Tây.

Như vậy, vai trò của hoàng gia trong việc duy trì và phát triển Phật giáo dưới triều Rama II không chỉ dừng lại ở bảo trợ vật chất mà còn mang tính chiến lược,

kết hợp giữa duy trì giới luật, phát triển văn hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng tôn giáo và mở rộng quan hệ quốc tế. Hoàng gia trở thành trụ cột bảo vệ tính chính thống của Phật giáo, đồng thời sử dụng nó như công cụ mềm dẻo để củng cố tính chính danh của vương quyền và duy trì sự thống nhất xã hội. Sự hòa quyền này cho thấy Phật giáo và hoàng gia không tồn tại như hai thực thể tách rời mà là hai chiều kích bổ sung lẫn nhau, trong đó sự thịnh vượng của Phật giáo phản ánh uy quyền của hoàng gia và ngược lại, tính chính danh của hoàng gia được nâng đỡ bởi Phật pháp.

3.2.3. Phật giáo như công cụ ổn định chính trị và củng cố tính chính danh của vương quyền

Trong lịch sử Thái Lan, Phật giáo không chỉ là một tôn giáo mà còn là nền tảng ý thức hệ cho quyền lực vương triều. Vai trò của nó trong việc ổn định chính trị và củng cố tính chính danh vương quyền trở nên đặc biệt rõ rệt trong thời kỳ đầu triều Chakri, nhất là dưới Rama II (1809–1824). Khi triều đại còn non trẻ, việc khẳng định vị thế của hoàng gia trước những thách thức từ bên ngoài và sự phân tán nội bộ là một nhiệm vụ trọng yếu. Trong bối cảnh đó, Phật giáo trở thành công cụ mềm giúp triều đình duy trì ổn định xã hội, đồng thời hợp pháp hóa quyền lực của hoàng gia theo mô hình Dhammarāja (vua theo chính pháp).

Trước hết, Phật giáo cung cấp cho vương quyền một nền tảng đạo đức – chính trị vững chắc. Trong truyền thống Thái, một vị vua muốn được thần dân chấp nhận phải thể hiện mười đức hạnh (thotsaphit ratchatham), bao gồm bố thí, trì giới, nhẫn nhục và công bằng (Tambiah, 1976, tr. 83–84). Rama II

được xây dựng hình ảnh như vị vua công chính, người bảo vệ Phật pháp và duy trì trật tự xã hội dựa trên nguyên tắc đạo đức. Việc hoàng gia bảo trợ các kì giới đàn, kiểm tra giới luật và khuyến khích học tập kinh điển không chỉ giúp củng cố kỉ luật tăng đoàn mà còn biểu thị vai trò của nhà vua như người canh giữ sự thuần khiết của Phật giáo. Sự liên kết này khiến vương quyền Chakri được nhìn nhận không phải như thế lực chính trị đơn thuần mà là một quyền lực hợp pháp gắn liền với tôn giáo.

Thứ hai, Phật giáo được sử dụng như phương tiện thống nhất xã hội trong giai đoạn mà Xiêm còn chịu ảnh hưởng sâu sắc của chiến tranh và sự chia cắt khu vực. Chùa chiền thời Rama II vừa là trung tâm sinh hoạt tín ngưỡng vừa là trường học và nơi hội tụ cộng đồng. Việc hoàng gia bảo trợ xây dựng và trùng tu các ngôi chùa lớn như Wat Pho không chỉ thể hiện công đức cá nhân mà còn là một chính sách mang tính biểu tượng nhằm khẳng định vai trò lãnh đạo của vương quyền trong việc tạo ra trật tự tinh thần cho xã hội (Keyes, 1987, tr. 121–123). Các công trình kiến trúc tôn giáo quy mô lớn tại Bangkok còn góp phần tái định vị thủ đô như trung tâm Phật giáo mới, thay thế cho Ayutthaya đã mất, qua đó củng cố sự chính danh của triều Chakri trong việc dẫn dắt đất nước.

Thứ ba, Phật giáo được vận dụng như công cụ văn hóa để củng cố quyền lực mềm. Rama II nổi tiếng là vị vua thi sĩ, khuyến khích sáng tác văn học Phật giáo, chuyển thể kinh điển Pāli và truyện Jātaka thành các tác phẩm văn học, kịch nghệ và nghệ thuật dân gian. Những hoạt động này giúp giáo lí Phật giáo trở nên gần gũi với dân chúng, đồng thời làm lan tỏa hình

ảnh hoàng gia như người bảo trợ tri thức và văn hóa. Như Wyatt (2003, tr. 182–183) nhận xét, việc bảo trợ văn học và nghệ thuật Phật giáo dưới thời Rama II không chỉ là hoạt động văn hóa mà còn là chính sách chính trị tinh vi nhằm gắn kết quần chúng vào một hệ tư tưởng chung do vương quyền dẫn dắt.

Một phương diện khác là giá trị ngoại giao của Phật giáo trong việc nâng cao tính chính danh quốc tế của vương quyền Chakri. Rama II duy trì quan hệ tôn giáo với Tích Lan và các trung tâm Theravāda khác, bảo trợ việc truyền giới và trao đổi học thuật Phật giáo. Những quan hệ này giúp Xiêm khẳng định vị thế trung tâm Phật giáo khu vực, đồng thời củng cố uy tín vương quyền như người bảo vệ và phát triển đạo pháp vượt ra ngoài biên giới quốc gia (Swearer, 2010, tr. 54–55). Trong bối cảnh phương Tây bắt đầu gia tăng ảnh hưởng tại Đông Nam Á, việc dựa vào Phật giáo như một nguồn chính danh siêu việt trở thành một chiến lược hữu hiệu để hoàng gia duy trì sự ổn định và độc lập chính trị.

Quan trọng hơn, Phật giáo còn tạo ra một khung ý thức hệ để điều hòa mối quan hệ giữa tầng lớp tinh hoa và quần chúng. Sangha, dưới sự bảo trợ của hoàng gia, đóng vai trò trung gian giữa triều đình và nhân dân. Tăng sĩ là người truyền đạt giáo lí Phật giáo, đồng thời củng cố hình ảnh của nhà vua như người thực hành mười đức hạnh và bảo vệ công lí. Sự hợp tác này biến Phật giáo thành cầu nối xã hội, giảm thiểu bất ổn và củng cố sự chấp nhận của quần chúng đối với vương quyền (Cooke, 2014, tr. 92–93). Nói cách khác, Phật giáo chính là chất keo tinh thần gắn kết xã hội Xiêm, đồng

thời là trụ cột ý thức hệ bảo đảm cho sự chính danh và ổn định của triều đại.

Tóm lại, dưới triều Rama II, Phật giáo được sử dụng như công cụ toàn diện để ổn định chính trị và củng cố tính chính danh của vương quyền. Từ việc khẳng định đạo đức của nhà vua, xây dựng chùa chiền làm trung tâm xã hội, phát triển văn hóa Phật giáo, đến mở rộng ngoại giao tôn giáo, tất cả đều cho thấy sự hòa quyền giữa Phật giáo và vương quyền. Điều này phản ánh quy luật mang tính truyền thống của Thái Lan: sự tồn tại của hoàng gia và sự thịnh vượng của Phật giáo gắn bó chặt chẽ, trong đó mỗi bên vừa nâng đỡ vừa chính đáng hóa cho bên kia.

4. Kết luận

Triều đại Rama II (1809–1824) đánh dấu một giai đoạn bản lề trong lịch sử vương triều Chakri và tiến trình phát triển của Phật giáo Thái Lan. Kế thừa nền tảng từ Rama I, Vua Rama II không chỉ duy trì truyền thống bảo trợ Phật giáo như một công cụ củng cố chính danh vương quyền mà còn phát triển nó thành một chiến lược văn hóa – chính trị toàn diện. Điểm đặc sắc của giai đoạn này nằm ở việc Phật giáo không đơn thuần giữ vai trò tôn giáo mà trở thành trụ cột tinh thần, công cụ chính trị và phương tiện văn hóa để ổn định xã hội, khẳng định bản sắc dân tộc.

Trước hết, từ phương diện chính trị, Rama II đã vận dụng Phật giáo như nền tảng đạo đức – ý thức hệ cho quyền lực quân chủ. Thông qua việc củng cố giới luật tăng đoàn, tổ chức khảo thí kinh điển và giám sát kỉ cương giáo hội, nhà vua thể hiện hình ảnh một vị “Dhammarāja” – vị vua công chính trị vì theo chính pháp. Hình ảnh này không chỉ hợp pháp hóa quyền lực triều đình mà còn tạo ra niềm

tin và sự chấp nhận rộng rãi từ phía quần chúng. Nhờ đó, vương quyền Chakri duy trì được sự ổn định nội trị trong bối cảnh xã hội Xiêm vừa thoát khỏi chiến tranh và vẫn còn tiềm ẩn nhiều chia rẽ.

Thứ hai, từ góc độ văn hóa, Phật giáo trở thành động lực phục hưng nghệ thuật và văn chương dưới thời Rama II. Chính nhà vua là một thi sĩ tài hoa, bảo trợ cho giới trí thức và nghệ nhân, đồng thời khuyến khích việc sáng tác, dịch thuật và phổ biến kinh điển Phật giáo qua các hình thức văn học dân gian, sân khấu và nghệ thuật trình diễn. Những tác phẩm mang cảm hứng Phật giáo không chỉ lan tỏa tri thức tôn giáo đến cộng đồng mà còn góp phần định hình chuẩn mực văn hóa Rattanakosin, củng cố bản sắc dân tộc trong bối cảnh đối diện với ảnh hưởng ngày càng mạnh mẽ từ phương Tây.

Thứ ba, từ phương diện xã hội, việc xây dựng và trùng tu chùa chiền đã biến các ngôi chùa thành trung tâm sinh hoạt cộng đồng, nơi hội tụ các chức năng tôn giáo, giáo dục và văn hóa. Chùa trở thành không gian nuôi dưỡng đạo đức, truyền bá tri thức và gắn kết cộng đồng, nhờ đó Phật giáo thấm sâu vào đời sống thường nhật của người dân. Chính sách bảo trợ này khiến Bangkok nhanh chóng được định vị như một trung tâm Phật giáo mới của Xiêm, thay thế cho Ayutthaya đã mất, đồng thời khẳng định vai trò lãnh đạo tinh thần của triều đại Chakri.

Một khía cạnh nổi bật khác là vai trò ngoại giao của Phật giáo trong việc củng cố uy tín quốc tế cho Xiêm. Rama II duy trì mối quan hệ với Tích Lan và các trung tâm Theravāda trong khu vực, qua đó khẳng định Xiêm như một trung tâm truyền thừa và bảo vệ Phật giáo. Trong bối cảnh phương Tây bắt đầu gia tăng

hiện diện tại Đông Nam Á, việc sử dụng Phật giáo như công cụ ngoại giao văn hóa không chỉ nâng cao vị thế quốc tế của vương quyền Chakri mà còn tạo ra một nguồn chính danh siêu việt để đối phó với áp lực thuộc địa.

Có thể khẳng định rằng mối quan hệ giữa Nhà nước và Phật giáo dưới thời Rama II là mối quan hệ cộng sinh: hoàng

gia bảo trợ Phật giáo để củng cố uy quyền, trong khi Phật giáo trở thành lực lượng tinh thần hợp pháp hóa quyền lực và gắn kết xã hội. Sự đan xen này làm nổi bật đặc trưng của mô hình “quốc gia Phật giáo” Thái Lan, trong đó chính trị và tôn giáo không tách rời mà bổ sung và nâng đỡ lẫn nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Baker, C., & Phongpaichit, P. (2009). *A History of Thailand (2nd ed.)*. Cambridge University Press.
- Cooke, N. (2014). *The Early Modern in Southeast Asia*. Routledge.
- Hall, D. G. E. (1981). *A History of South-East Asia (4th ed.)*. Macmillan.
- Ishii, Y. (1986). *Sangha, State, and Society: Thai Buddhism in History*. University of Hawaii Press.
- Keyes, C. F. (1987). *Thailand: Buddhist Kingdom as Modern Nation-State*. Westview Press.
- Krairiksh, P. (1997). *Ancient Thai Arts and Culture*. Muang Boran.
- Permkosorn, N. (2025). *King Rama II: poet king of Thailand*. Trong Thai Literature.
- Reynolds, F. E. (1976). *Buddhist Cosmology in the Traiphum Phra Ruang: A Translation and Analysis of the Three Worlds According to King Ruang of Sukhothai*. Yale University Press.
- Reynolds, C. J. (2002). *Thai Cultural Values in Historical Perspective*. Thai Studies Center.
- Srisuwan, T. (2002). *Literature and Buddhism in the Early Rattanakosin Period*. Chulalongkorn University Press.
- Suthivanich, N. (1987). *The Front Palace under the Early Bangkok Kings*. Chulalongkorn University Press.
- Suthiwan, T. (2020). Mangummangaaraa: The search of Inao's origin in Thailand. *Journal of the Humanities of Indonesia*, 21(2), 242–245.
- Suwannathat-Pian, K. (1999). A Brief Moment in Time: Kedah–Siam Relations Revisited. *Journal of the Malaysian Branch of the Royal Asiatic Society*, 72(2), 65–66.
- Swearer, D. K. (2010). *The Buddhist World of Southeast Asia (2nd ed.)*. State University of New York Press.
- Tambiah, S. J. (1976). *World Conqueror and World Renouncer: A Study of Buddhism and Polity in Thailand Against a Historical Background*. Cambridge University Press.
- Trần Khánh. (1992). *Người Hoa ở Đông Nam Á: Vai trò trong kinh tế và xã hội*. Nxb Khoa học xã hội.
- Wallipodom, S. (2001). *Buddhism and Thai Society: Considerations on Buddhist Reform from the Past to the Present*. Thammasat University Press.
- Wyatt, D. K. (2003). *Thailand: A Short History (2nd ed.)*. Yale University Press.

**THE RELATIONSHIP BETWEEN BUDDHISM AND THE THAI STATE
DURING THE REIGN OF RAMA II (1809–1824)**

Pham Quoc Trung

University of Education, Hue University

Email: pqtrung@dhsphue.edu.vn

(Received: 23/8/2025, Revised: 29/9/2025, Accepted for publication: 2/4/2026)

ABSTRACT

During the reign of King Rama II (1809–1824), Buddhism continued to hold a central role in the political, social, and cultural life of Thailand. Inheriting the foundations established by Rama I, Rama II both patronized and supervised Buddhism as a means of strengthening royal legitimacy. The king placed great emphasis on the restoration of temples, encouraged the production of literature and the arts imbued with Buddhist elements, and ensured discipline within the monastic order. The close bond between the monarchy and the Sangha not only contributed to social stability but also fostered distinctive cultural development, as reflected in literary works and religious architecture. This intimate relationship between Buddhism and the state under Rama II not only secured popular loyalty to the monarchy but also laid the groundwork for significant religious and social reforms in later reigns, particularly those of Rama III and Rama IV.

Keywords: *Thai Buddhism; state–religion relations; Rama II; kingship*